

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ PHÍA ĐÔNG VÀ PHÍA NAM UBND XÃ CÁT TƯỜNG CỦA UBND XÃ CÁT TƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2210/STNMT-CCBVMT ngày 02/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng hạ tầng khu dân cư phía Đông và phía Nam UBND xã Cát Tường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng hạ tầng khu dân cư phía Đông và phía Nam UBND xã Cát Tường của UBND xã Cát Tường đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 122/CV-UBND ngày 09/8/2024 của UBND xã Cát Tường;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1074/TTr-STNMT ngày 10/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Xây dựng hạ tầng khu dân cư phía Đông và phía Nam UBND xã Cát Tường (sau đây gọi là Dự án) của UBND xã Cát Tường (sau đây gọi là Chủ đầu tư) thực hiện tại xã Cát Tường, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Phù Cát;
- UBND xã Cát Tường;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ PHÍA ĐÔNG VÀ PHÍA NAM
UBND XÃ CÁT TƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư phía Đông và phía Nam UBND xã Cát Tường.
- Địa điểm thực hiện: Xã Cát Tường, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: UBND xã Cát Tường.
- Địa chỉ liên hệ: Xã Cát Tường, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô

- Tổng diện tích dự án: 60.318,17 m²; trong đó:
 - + Diện tích đất ở: 26.227,77 m².
 - + Diện tích đất công viên cây xanh: 4.637,5 m².
- Quy mô dân cư dự kiến: khoảng 648 người, gồm 162 lô đất ở.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính: 162 lô đất ở có diện tích 26.227,77 m².

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án: Hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, cây xanh.

1.3.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa.
- 01 bể tự hoại tập trung 5 ngăn cải tiến, dung tích 100 m³ (đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng), kết cấu bằng bê tông cốt thép, có thiết bị khử trùng và xử lý mùi.

- Tổng diện tích đất công viên cây xanh khoảng 4.637,5 m².

1.3.4. Các hoạt động của dự án

- Hoạt động thu dọn, phát quang mặt bằng, bóc đất phong hóa và phá dỡ các công trình hiện trạng.
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án.
- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng.

- Hoạt động đào đắp, thi công xây dựng các hạng mục công trình.
- Hoạt động sinh hoạt của cư dân khi đưa vào vận hành dự án.

1.3.5. Các hạng mục, hoạt động không thuộc phạm vi Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Hoạt động khai thác vật liệu san nền, vật liệu thi công phục vụ dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa 2 vụ với diện tích khoảng 50.311,10 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công: hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại và nguy cơ gây ảnh hưởng đến khả năng thoát nước khu vực phía Đông của dự án.

- Trong giai đoạn vận hành: hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên các tuyến đường xung quanh dự án phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải; hoạt động sinh hoạt của cư dân sinh sống trong dự án phát sinh chất thải sinh hoạt;...

- Dự án chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 60.318,17 m², ảnh hưởng đến sinh kế của người dân.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 2,16 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 1,5 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt của các hộ dân phát sinh với lưu lượng khoảng 49 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (COD, BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục công trình, vận chuyển nguyên vật liệu san lấp, thi công; vận hành máy móc, phương tiện thi công trên công trường,... Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

b) Giai đoạn vận hành: Hoạt động giao thông của người dân, quá trình dọn vệ sinh khu vực công cộng; khí thải từ quá trình nấu nướng của người dân,... Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh (sinh khối thực vật) với khối lượng khoảng 1 - 2 tấn. Thành phần chủ yếu là thân cây, lá, gốc cây,...

- Chất thải rắn từ hoạt động bóc phong hóa phát sinh khoảng 3.958 m³. Thành phần chủ yếu là đất, bùn,...

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng 41 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

b) Giai đoạn vận hành: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 518,4 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: Hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, thay dầu,... của máy móc, thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển có khối lượng khoảng 50 kg trong quá trình thi công xây dựng. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau nhiễm dầu thải, các loại dầu mỡ thải,...

b) Giai đoạn vận hành: Hoạt động sinh hoạt của người dân tại khu vực dự án phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 2,6kg/ngày. Thành phần chủ yếu là pin thải, ắc quy chì thải, bóng đèn huỳnh quang thải, bình xịt côn trùng,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển,...

b) Giai đoạn vận hành: Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông ra vào dự án.

4. Các tác động khác:

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa sang mục đích khác tác động đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

- Việc hình thành dự án gây ảnh hưởng đến vấn đề tiêu thoát nước các khu vực xung quanh.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động có dung tích 500 lít; hộp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước thải xây dựng: được thu gom, lắng cặn và tái sử dụng tối đa cho quá trình xây dựng.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo các mương thoát nước mưa tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ; dọn đất, cát, rác thải sinh hoạt,... rơi vãi sau mỗi ngày làm việc để tránh nước mưa chảy xuống các rãnh thoát nước.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước mưa của dự án thiết kế tự chảy và riêng với hệ thống thoát nước thải.

+ Nước mưa được thu gom theo đường ống chính dẫn về suối Lò Ô qua 01 cửa xả D1500 và 01 cửa xả D800.

+ Bố trí hệ thống công bê tông cốt thép dọc theo các tuyến đường để thu gom nước mưa dẫn về cửa xả.

+ Bố trí hệ thống cống thu nước khu dân cư hiện trạng phía Đông Nam dự án bằng ống HDPE D300, đầu nối với hệ thống thoát nước của dự án.

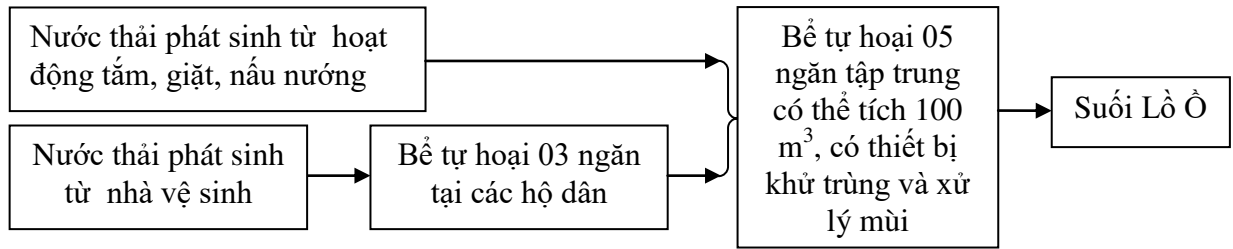
+ Hệ thống thoát nước mưa bố trí dọc trên vỉa hè các tuyến đường, kết cấu bằng cống BTCT đường kính từ D600 đến D1500. Hệ thống cống ngang qua đường sử dụng cống BTCT H30. Hố ga chính bằng BTCT B20(M250) đá 1x2, tấm đan bằng BTCT B20(M250) đá 1x2. Hố thu nước mưa bằng BTCT B20 (M250) đá 1x2, phía trên lắp đặt lưới chắn rác bằng gang.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động tắm, giặt, nấu nướng,... của các hộ

dân được dẫn về bể tự hoại 05 ngăn tập trung tại phía Nam dự án.

+ Nước thải phát sinh nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn tại mỗi hộ dân, sau đó được dẫn về bể tự hoại 05 ngăn tập trung tại phía Nam dự án.



+ Quy trình xử lý mùi hôi phát sinh từ bể tự hoại 05 ngăn tập trung như sau: Mùi hôi từ dòng khí thải sẽ được đưa vào tháp xử lý mùi có chứa vật liệu hấp thụ là than hoạt tính, dòng khí thải sau xử lý được thoát ra ngoài môi trường.

+ Quy trình khử trùng: Nước thải sau khi qua Bể tự hoại 5 ngăn sẽ được khử trùng bằng Clo dạng viên bố trí ngay trên đường ống thoát nước thải trước khi thải ra môi trường.

+ Về lâu dài, khi hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của xã Cát Tường được đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch, bể tự hoại 05 ngăn sẽ được chuyển đổi công năng thành trạm bơm để bơm nước thải từ dự án về hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra môi trường.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thường xuyên phun nước giảm bụi tại các khu vực thi công, tuyến đường vận chuyển đoạn qua khu dân cư với tần suất 02 lần/ngày.

- Đối với phương tiện vận chuyển: vận chuyển đúng tải trọng và tốc độ cho phép, vệ sinh trước khi ra khỏi công trường, phủ bạt kín không để rơi vãi đất, cát ra đường.

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu và chất thải rắn công nghiệp thông thường: che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2m.

- Hàng ngày, bố trí công nhân quét dọn thu gom đất, cát rơi vãi, vệ sinh dọc theo tuyến đường và tại khu vực thi công.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

b) Giai đoạn vận hành

- Định kỳ bảo dưỡng mặt đường.

- Lắp đặt biển báo hướng dẫn giao thông, quy định tốc độ xe tham gia giao thông tương ứng với cấp đường thiết kế.

- Bố trí hệ thống cây xanh đảm bảo theo quy hoạch, nhất là cây xanh tại khu vực bố trí bể tự hoại 05 ngăn tập trung ở phía Nam dự án.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt của công nhân: bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại khu vực lán trại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

+ Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động bóc phong hóa được tận dụng để đắp vào khu vực công viên cây xanh diện tích 4.637,5 m².

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b) Giai đoạn vận hành: Người dân thu gom và lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt trong các thùng chứa và chuyển giao cho đơn vị chức năng tại địa phương để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Bố trí 03 thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, có nắp đậy, dán nhãn theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải; tập kết tại kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích khoảng 05 m² tại công trường. Ký hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

b) Giai đoạn vận hành

- Người dân thu gom, phân loại và lưu giữ theo hướng dẫn của cơ quan chức năng và chuyển giao cho đơn vị thu gom có chức năng.

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành.

- Thực hiện việc phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại các Điều 75, Điều 81, Điều 83 của Luật Bảo vệ môi trường.

4.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Không sử dụng cùng một thời điểm nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.
- Các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kì thường xuyên.
- Sử dụng các thiết bị thi công đang kiểm đảm bảo.
- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ; không vận hành các thiết bị phát sinh độ ồn cao trong khoảng thời gian từ 11h30 đến 13h30 và từ 18h00 đến 06h00 sáng hôm sau.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b) Giai đoạn vận hành

- Bảo dưỡng thường xuyên chất lượng mặt đường, tăng cường trồng các dải cây xanh.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất trồng lúa

Chủ đầu tư phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức triển khai thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật: Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ: Xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính

quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3 Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng: Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí quan trắc: 02 vị trí.

+ Nằm trên đường ĐH20 trong ranh dự án, tọa độ X = 1.545.383, Y = 592.256 (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trục 108⁰15').

+ Nằm trong ranh phía Nam dự án, tọa độ X = 1.545.104, Y = 592.133 (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trục 108⁰15').

- Thông số quan trắc: bụi, tiếng ồn.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

5.2. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu khác có liên quan

- Khoanh định ranh giới của dự án và chỉ được triển khai thực hiện dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép.

- Thiết lập hệ thống biên báo, cắm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng dự án.

- Bố trí thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân trong khu dân cư tập trung theo quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 57 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khu vực lân cận dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường.